|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ NGHỆ AN  **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**  Số: /KSBT-KDVT  V/v yêu cầu báo giá | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Nghệ An, ngày tháng năm 2023* |

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói Thầu vật tư, hóa chất, sinh phẩm năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Hồ Thị Thanh – Khoa Dược-Vật tư y tế.

SĐT: 094.811.8784.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ:

Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Hoặc qua email: dauthauksbtna@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 03/08/2023 đến trước 17h00 ngày 13/08/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13/08/2023.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Danh mục vật tư, hóa chất, sinh phẩm: Theo *Phụ lục đính kèm*

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật- Địa chỉ: Số 140- đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hàng hóa: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Trân trọng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu VT, Dược- VTYT. | **GIÁM ĐỐC**  **Chu Trọng Trang** |

**PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ**

*(Kèm theo Công văn số /KSBT-KDVT ngày / /2023 của* *Trung tâm kiểm soát bệnh tật)*

| **STT** | **Tên hàng hóa** | **Tiêu chuẩn kỹ thuật** | **Quy cách**  **(nếu có)** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **TRONG TT04** | | | | | |
| 1 | Dung dịch Iod mạnh | Dùng để soi cổ tử cung Lugol 3%. Thành phần: Iod; Kali Iodid | Chai 500ml | Chai | 100 |  |
| 2 | Găng phẫu thuật | Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiệt trùng bằng khí EO. Găng loại có phủ bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám. | 1 đôi/túi giấy,  50 túi giấy/ hộp,  8 hộp/ thùng carton (400 đôi)  Gồm các cỡ 6; 6,5; 7,5; 7; 8. | Đôi | 40.000 |  |
| 3 | Găng kiểm tra dùng trong y tế | Găng tay y tế có bột, được làm tử mủ cao su tự nhiên. Gồm các cỡ: Size XS,S,M,L,XL. | 50 đôi/ hộp | Đôi | 47.500 |  |
| 4 | Tăm bông vô trùng lấy bệnh phẩm cán nhựa | Chất liệu cán bằng nhựa PP/ABS, đầu bông nylon flocked, chiều dài 150mm, | 5 cái/gói | Cái | 15.000 |  |
| 5 | Bông hút nước y tế | Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính là Cellulose, Yêu cầu: pH: 5,0 ÷ 8,0, độ ẩm ≤ 8,0, tốc độ hút nước ≤ 10 giây.Quy cách: 1kg/cuộn | Kg | Kg | 400 |  |
| 6 | Dung dịch sát khuẩn | Thành phần chính: povidone iodine 10% tương đương với iodine tự do 1%.  Giấy đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp. Quy cách: chai 500ml | 500ml /chai | chai | 332 |  |
| 7 | Acid Acetic CH3COOH | Dùng để soi và khám phụ khoa. Thành phần: acid acetic 3%, màu trắng trong suốt | 500 ml/chi | Chai | 44 |  |
| 8 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml, cỡ kim 23G, đầu sắc nhọn. Vô trùng, không chất gây sốt. Đóng gói riêng từng cái., có nắp đậy. | 01 cái/ gói | Cái | 5.000 |  |
| 9 | Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ | Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 23G, đầu sắc nhọn. Vô trùng, không chất gây sốt. Đóng gói riêng từng cái., có nắp đậy. | 01 cái/ gói | Cái | 10.000 |  |
| 10 | Bơm tiêm sử dụng một lần | Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G; 25G, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh có nắp đậy. | 100 cái/ hộp | Cái | 23.000 |  |
| 11 | Que đè lưỡi gỗ | Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh.- Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng.- Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) | 100 cái/ hộp | Cái | 18.400 |  |
| 12 | Cồn 70° | Có nhãn mác trên bào bì sản phẩm. Có Phiếu sang lẻ hàng hóa, niêm phong đơn vị sang lẻ, ghi thời gian sang lẻ. | 10 lít/chai | Lít | 250 |  |
| 13 | Dung dịch sát khuẩn tay nhanh | Thành phần: Ethanol 96 %, chất lỏng trong suốt, không có tạp chất lạ, không màu, có mùi vị đăc trưng cho Ethanol. Quy cách : đóng chai 500 ml ; niêm phong; có nhãn mác ghi rõ đầy đủ các thông tin, thời gian sử dụng. | 500ml/ chai | Chai | 140 |  |
| 14 | Băng dính cá nhân vải Urgo Durable | Thiết kế chống thấm nước, chất liệu: băng vải co giãn đựng trong từng bao riêng, độ dính cao, co giãn tốt, Kích thước 1 cái: 2 x 6cm | 102 Cái/ Hộp | Miếng | 13.260 |  |
| 15 | Đầu côn trắng (có khía) | Đầu côn không có lọc 5ul- 300ul, Tiệt trùng, Chất liệu: Nhựa PP, Cân nặng: 0,69g, Kích thước: 8x69mm, có khía, Màu sắc: Trắng, Mục đích: dùng rửa | 1000 cái/túi | Cái | 6.000 |  |
| 16 | Đầu côn trắng (nhỏ, có khía) | Đầu côn không có lọc 0-10ul, Tiệt trùng, Chất liệu: Nhựa PP, Cân nặng: 0,117g, Kích thước: 4x31mm, Màu sắc: trắng Chứng chỉ: CE, ISO 13485, FSC... | 1000 Cái/túi | Cái | 80.000 |  |
| 17 | Đầu côn vàng (không có khía) | Đầu côn không có lọc 10-100ul, Làm từ nhựa PP có độ trong suốt cao​, Không chứa DNAse, RNase, Pyrogen nên phù hợp cho các phân tích cả hóa học, sinh học và sinh học phân tử, Màu sắc: Vàng | 1000 Cái/ túi | Cái | 10.000 |  |
| 18 | Đầu côn xanh | Đầu côn không có lọc 1000ul, Tiệt trùng, Chất liệu: Nhựa PP, Cân nặng: 0,69g, Kích thước: 8x69mm, Màu sắc: Xanh | 500 cái/ Túi | Cái | 6.000 |  |
| 19 | Kim cánh bướm  ( B/BRAUN 23G) | Đầu kim 3 mặt vát được trán 1 lớp silicon, làm bằng hợp kim Crôm-NikelChiều dài kim 20 mm, đường kính kim 0.65 mm, tốc độ dòng chảy 11 ml/ phútDây nôi 30cm, không có chất phụ gia DEHP , thay thế bằng DEHT an toàn Có đầu khóa Luer | 50 chiếc/ hộp | Chiếc | 600 |  |
| 20 | La men | Bằng thủy tinh, trong suốt, hình vuông rộng 22mm x 22mm, dày 0,17mm | 1000 cái / hộp | hộp | 12.000 |  |
| 21 | Lam kính | Bằng thủy tinh, trong suốt, không mốc, không xước, loại nhám Dày 1-1,2mm, KT 24mm x 76,2 mm | 72 cái/ hộp, thùng 50 hộp | Hộp | 544 |  |
| 22 | Ống chứa máu kháng đông EDTA - K2 | Chất liệu: nhựa y tế PP trung tính Kích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mm Nhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy bệnh phẩm Hóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông EDTA-K2 | 100 ống / giá | Cái | 33.000 |  |
| 23 | Ống chứa máu kháng đông Heparin | Chất liệu: nhựa y tế PP trung tínhKích thước: dung tích 5ml, đường kính ống 12-13mm, chiều dài ống 75mmNhận dạng: nắp nhựa, có vạch định mức lấy mẫuHóa chất: Sử dụng hóa chất chống đông Heparin, nắp màu đen | 100 Cái/Hộp | Cái | 8.500 |  |
| 24 | Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1,5ml nắp trắng (ống Eppendorf ) | Ống nghiệm làm bằng nhựa PP, có nắp đậy liền thân. Có vạch chia thể tích 1,5 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | 0,5ml/ống; 500 Ống/Túi | Ống | 25.000 |  |
| 25 | Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 2 ml nắp trắng | Ống nghiệm làm bằng nhựa. Thể tích 2 ml. | 100 ống/ túi | ống | 300 |  |
| 26 | Ống nghiệm Serum hạt nhựa | Ống nhựa PP; nắp màu đỏ Thể tích: 5ml Hóa chất: Blood clotting activato ( BCA) và hạt nhựa Polystyren hình khối hoặc hình bi | 100 ống / giá | Cái | 12.000 |  |
| 27 | Ông nghiệm thủy tinh | Đường kinh nhân chiều cao 1,5 cm x 12 cm | 1000 Ông / Thùng | ống | 12.000 |  |
| 28 | Ông nghiệm thủy tinh | Đường kính nhân chiều cao 1cm x 7cm | 1000 ông / Thùng | Ông | 10.000 |  |
| 29 | Que phết đờm | Chất liệu: Que gỗ - Gòn Đặc điểm: Thân que bằng gỗ, một đầu gòn, đựng trong ống nghiệm có nhãn, tiệt trùng, dài 15 cm | 1 que/ hộp; 100 hộp/túi | Que | 1.000 |  |
| **II** | **NGOÀI TT 04** | | | | | |
| 30 | Viên nén khử khuẩn bề mặt, khử khuẩn dụng cụ và thiết bị y tế | Thành phần: Troclosense Sodium (50% DICHLOR-ISOCYANURATE NATRI).  Dạng viên sủi tan nhanh trong nước tạo dung dịch có pH Acid. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải Quy cách: 2,5g/ viên, Hộp : 100 viên | 100 viên/ hộp | Viên | 10.000 |  |
| 31 | Giấy đo CNHH+ SÂ UPP - 110S | Kích thước 110mm x 20m. Tiêu chuẩn: ISO 13485(1cuộn/túi) | hộp 10 cuôn | cuộn | 200 |  |
| 32 | Giấy in kết quả xét nghiệm nước tiểu | Màu sắc: Màu trắng, Hình thức: Dạng cuộn, giấy in nhiệt chủ yếu dùng trong y tế 57x45mm | hộp 10 cuộn | cuộn | 150 |  |
| 33 | Giấy in KQ điện tim 3 cần | Giấy in nhiệt có kẻ ô, kích thước 63 mm x 30m | hộp 10 cuộn | cuộn | 20 |  |
| 34 | Ống thổi đo CNHH | Ống làm bằng chất liệu giấy dùng 1 lần, đường kính 30 mm, dài 63 mm tương thích với máy đo CNHH Spirolab MIR-ITALY | hộp 100 cái | cái | 6.000 |  |
| 35 | Chai thủy tinh miệng rộng nút mài 250ml | Thủy tinh trong suốt, miệng rộng, nút mài loại thể tích 250ml | 13 chai/hộp | Chai | 250 |  |
| 36 | Chai thủy tinh miệng rộng nút mài 500ml | Thủy tinh trong suốt, miệng rộng, nút mài loại thể tích 500ml | 12 chai/hộp | Chai | 350 |  |
| 37 | Đĩa Petri nhựa Ø90 | Nhựa PS trắng trong, gốm hai đĩa nhựa lồng vào nhau, độ pH trung tính. \* Đường kính 90 mm, chiều cao 15 mm \* Tiệt trùng bằng tia Gamma. \* Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 | 500 cái/ Thùng | Cái | 4.500 |  |
| 38 | Màng lọc  Cellulose acetat dùng cho HPLC | Thành phần: cellulose nitrate (cellulose hỗn hợp ester), cellulose acetate hoặc cellulose tái sinh. Màng lọc Filter Cellulose Nitrate 47mm Kích thước lỗ lọc: 0.45µm | 100 cái/hộp | Cái | 3.000 |  |
| 39 | Màng lọc  Cellulose acetat dùng cho HPLC | Thành phần: cellulose nitrate (cellulose hỗn hợp ester), cellulose acetate hoặc cellulose tái sinh. Màng lọc Filter Cellulose Nitrate 47mm Kích thước lỗ lọc: 0.2µm | 100 cái/hộp | Cái | 1.000 |  |
| 40 | Túi ủ kỵ khí Anaero/ AnaeroPack CO2 | Thành phẩn chính: acid ascorbic (Vitamin C) Kích thước:  2,5l: W135 x L197 x H95 (mm) | 10 túi /Gói | Túi | 200 |  |
| 41 | Bao cao su | Bao cao su chất lượng cao đã được bôi trơn, không gây dị ứng và độc hại. | 144cái/ hộp | Hộp | 100 |  |
| 42 | Test nhanh chẩn đoán thai sớm | Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu - Mẫu thử: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL  - Bảo quản nhiệt độ thường | 100 tets \hộp | Test | 2.480 |  |
| 43 | Onsite Dengue Ag Rapid Test | Vùng cộng hợp: kháng thể chuột kháng Dengue Ag;  Vạch kết quả: kháng thể thỏ kháng Dengue Ag; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG chuột. | 25 test/hộp | Test | 250 |  |
| 44 | Onsite Dengue IgG/IgM Combo Rapid Test | Vùng cộng hợp: kháng nguyên Dengue (A2302) tái tổ hợp, kháng nguyên Dengue (A2313) tái tổ hợp & IgG thỏ; Vạch kết quả M: kháng thể chuột kháng IgM người; - Vạch kết quả G: kháng thể chuột kháng IgG người; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG thỏ. | 30 test/ hộp | test | 250 |  |
| 45 | Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút Viêm não Nhật Bản | 1. Thành phần:Kit phát hiện IgM kháng Vi rút Viêm não Nhật Bản Thành phần: + Coated Microtiter Strips for Human IgM + Sample Dilution Buffer for IgM Type A + JE Negative Control + JE IgM Positive Control + Ready to Use JE Antigen (JERA) for IgM + Ready to Use Normal Cell Antigen (NCA) for JE IgM + Ready to Use Enzyme Conjugate-HRP for JE IgM + 10X Wash Buffer + EnWash + Liquid TMB Substrate + Stop Solution 2. Bảo quản : -10 ≥ - 40 độ C 3 | 96 test/hộp | Test | 384 |  |
| 46 | Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số | Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate | 18L/ Can | Can | 72 |  |
| 47 | Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số | Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương | 500ml/ Can | Can | 35 |  |
| 48 | Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số | Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether | 5L/ Can | Can | 18 |  |
| 49 | Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc | Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit | 5L/ Can | Can | 6 |  |
| 50 | Hóa chất nội kiểm mức thường dùng cho máy phân tích huyết học 18 thông số | Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú | 2 mL/ Lọ | Lọ | 12 |  |
| 51 | Que thử đường huyết | Đi kèm theo máy đo đường huyết. CHỦNG LOẠI: CareSens N | Hộp 25 que hoặc 50 que dạng lọ hoặc vỉ rời | Que | 33.130 |  |
| 52 | Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HEV | Vùng cộng hợp: kháng nguyên HEV tái tổ hợp & IgG thỏ;  Vạch kết quả: kháng thể chuột kháng IgM người; Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG thỏ. | 30 test/ hộp | Test | 210 |  |
| 53 | Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng HAV | Vùng cộng hợp: kháng thể chuột kháng IgG người; - Vạch kết quả: kháng nguyên HAV tái tổ hợp; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG chuột. | 30 test/ hộp | Test | 210 |  |
| 54 | Test nhanh phát hiện kháng thể virus HIV | phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. - Độ nhạy: 99.78% với mẫu huyết tương, 99.84% với mẫu huyết thanh, 99.01% với mẫu máu toàn phần tĩnh mạch, 100% với mẫu máu toàn phần mao mạch - Độ đặc hiệu: 100% với mẫu huyết tương và máu toàn phần, 99.92% với mẫu huyết thanh. Vạch thử T1: protein tái tổ hợp gp41 của HIV-1, gp41 của HIV-1 phân nhóm O; Vạch thử T2: gp36 của HIV-2; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng IgY gà; Đệm liên hợp: cộng hợp gp41 của HIV-1 keo vàng/gp41 của HIV-1 phân nhóm O keo vàng; gp36 của HIV-2 keo vàng, Bảo quản: 2-40oC Nằm trong danh sách WHO PQ. Giới hạn phát hiện: Kháng thể kháng HIV-1:11.88 (S/CO) ở độ pha loãng 2^-12 , kháng thể kháng HIV-2:102.6 S/CO ở độ pha loãng 2^-10, kháng thể kháng HIV-1 nhóm phụ O: 154.5S/CO ở độ pha loãng 2^-7 | Hộp 25 xét nghiệm | Test | 1.000 |  |
| 55 | Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy | Hóa chất kiểm tra chất lượng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1 trên hệ thống máy sinh hóa tự động Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 1x5ml | Lọ | 5 |  |
| 56 | Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy | Hóa chất kiểm tra chất lượng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2 trên hệ thống máy sinh hóa tự động.  Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 1x5ml | Lọ | 5 |  |
| 57 | Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy | Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy trên hệ thống máy sinh hóa tự động Thành phần ít nhất bao gồm: Huyết thanh người và các chất phân tích Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, HBDH, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Total Protein, Triglyceride, UIBC, Urea, Uric Acid, Bilirubin, Inorganic Phosphorous, Calcium, Iron, Magnesium Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 1x5ml | Lọ | 5 |  |
| 58 | Định lượng Triglycerid | Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ ≤ 0,1 – ≥ 11,3 mmol/L (Từ ≤ 10 – ≥ 1.000 mg/dL) Độ lặp lại: CV ≤ 1,06%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 1,76% Số test thực hiện được: ≥ 7 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 4x20ml+4x5ml | Hộp | 2 |  |
| 59 | Đo hoạt độ ALT (GPT) | Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ ALT trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ ≤ 3 – ≥ 500 U/L (Từ ≤ 0,05 – ≥ 8,33 μkat/L) Độ lặp lại: CV ≤ 2,1%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,7%Số test thực hiện được: ≥ 6 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 4x50ml+4x25ml | Hộp | 2 |  |
| 60 | Đo hoạt độ AST (GOT) | Hóa chất xét nghiệm đo hoạt độ AST trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ ≤ 3 – ≥ 1.000 U/L (Từ ≤ 0,05 – ≥ 16,7 μkat/L) Độ lặp lại: CV ≤ 1,9%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,9%Số test thực hiện được: ≥ 9 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 4x25ml+4x25ml | Hộp | 2 |  |
| 61 | Định lượng Ure | Hóa chất xét nghiệm định lượng Urê trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: + Huyết thanh, huyết tương: Từ ≤ 5 – ≥ 300 mg/dL (Từ ≤ 0.8 – ≥ 50.0 mmol/L) + Nước tiểu: Từ ≤ 60 – ≥ 4500 mg/dL (Từ ≤ 10 - ≥ 750 mmol/L) Độ lặp lại: CV ≤ 2,28%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3,41%Số test thực hiện được: ≥ 9 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 4x25ml+4x25ml | Hộp | 2 |  |
| 62 | Định lượng Creatinin | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine trên hệ thống máy sinh hóa tự động khoảng tuyến tính: + Huyết thanh/ huyết tương: Từ ≤ 5 – ≥ 2.200 μmol/L (Từ ≤ 0,06 – ≥ 25,0 mg/dL) + Nước tiểu: Từ ≤ 88 – ≥ 35.360 μmol/L (Từ ≤ 1 – ≥ 400 mg/dL) Độ lặp lại: CV ≤ 1,12%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,48%Số test thực hiện được: ≥ 4 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 4x51ml+4x51ml | Hộp | 2 |  |
| 63 | Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) | Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ ≤ 0,26 - ≥ 10,3 mmol/L (Từ ≤ 10 - ≥ 400 mg/dL) Độ lặp lại: CV ≤ 2,26%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,71%Số test thực hiện được: ≥ 4 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 4x27ml+4x9ml | Hộp | 1 |  |
| 64 | Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) | Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol trên hệ thống máy sinh hóa tự động Khoảng tuyến tính: Từ ≤ 0,05 - ≥ 4,65 mmol/L (Từ ≤ 2 - ≥ 180 mg/dL) Độ lặp lại: CV ≤ 0,85%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 1,92%Số test thực hiện được: ≥ 4 test/mL Đạt tiêu chuẩn hoặc FDA hoặc CE | 4x27ml+4x9ml | Hộp | 1 |  |
| 65 | Định lượng Cholesterol toàn phần | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase ≥ 0,2 kU/L (3,3 μkat/L); Cholesterol oxidase ≥ 0,2 kU/L (3,3 μkat/L); Peroxidase ≥ 10 kU/L (166,7 μkat/L) Phương pháp: Enzymatic Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương (chất chống đông: Heparin, EDTA ) Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test Dải tuyến tính: 0,5 – 18,0 mmol/L (20 – 700 mg/dL) CV≤ 3% | 4x45ml | Hộp | 2 |  |
| 66 | Chất tẩy kiềm mạnh để loại bỏ các chất phản ứng trên máy Sysmex | Thành phần: Sodium Hypochlorite (nồng độ clorine 5,0%) | 20x4ml/ Hộp | Hộp | 4 |  |
| 67 | Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học | Thành phần: Sodium chloride 0,7%; Tris buffer 0,2%; EDTA-2K 0,02% Đạt ISO 13485 | 1x20L/  Hộp | Hộp | 33 |  |
| 68 | Hóa chất ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học | Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0,07%; Nonionic surfactant 0,17% Đạt ISO 13485 | 1x5L/ Hộp | Hộp | 6 |  |
| 69 | Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố | Thành phần: Sodium Lauryl Sulfat 1,7g/L Đạt ISO 13485 | 3x500ml/ Hộp | Hộp | 13 |  |
| 70 | Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu | Thành phần: Polymethine 0,002%; methanol 3,0%; Ethylene Glycol 96,9% Đạt ISO 13485 | 2x42ml/ hộp | Hộp | 8 |  |
| 71 | Chất chuẩn máy xét nghiệm Huyết học 29 thông số mức 1 | Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu, và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản | 1x3ml/lọ | Lọ | 4 |  |
| 72 | Chất chuẩn máy xét nghiệm Huyết học 29 thông số mức 2 | Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu, và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản | 1x3ml/lọ | Lọ | 4 |  |
| 73 | Chất chuẩn máy xét nghiệm Huyết học 29 thông số mức 3 | Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu đã được ổn định, bạch cầu, và tiểu cầu ở người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản | 1x3ml/lọ | Lọ | 4 |  |
| 74 | Hóa chất định lượng nồng độ AST/GOT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá | Thành Phần: Tris buffer (pH 7,8) 110 mmol/l L-aspartic acid 340 mmol/l LDH ≥ 4000 U/l MDH ≥ 750 U/l CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol/l NADH 1,05 mmol/l. | R1:6x44ml, R2: 6x11ml | Hộp | 7 |  |
| 75 | Hóa chất định lượng nồng độ ALT/GPT sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá | Thành phần: Tris buffer (pH 7,5) 137,5 mmol/l L-Alanine 709 mmol/l LDH (microbial) ≥ 2000 U/l CAPSO 20 mmol/l 2-oxoglutarate 85 mmol/l NADH 1,05 mmol/l. | R1:6x44 ml, R2: 6x11 ml | Hộp | 7 |  |
| 76 | Hóa chất xét nghiệm Creatinine sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa | Thành phần: Picric Acid: 26mmol/l; Sodium Hydroxide: 240 mmol/l. | R1:5x44ml, R2: 5x11ml | Hộp | 7 |  |
| 77 | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa | Là chất hiệu chuẩn (chứa huyết thanh) được sử dụng cùng với các thuốc thử trên máy xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật. | Lọ 5ml x 5 | Hộp | 1 |  |
| 78 | Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy | Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật. | Lọ 5ml x 5 | Hộp | 1 |  |
| 79 | Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa tự động | Concentrated washing solution là dung dịch rửa dùng cho các máy phân tích sinh hóa của hãng BioSystems. | chai 100ml | Chai | 10 |  |
| 80 | ELISA Fasciola IgG | Bộ xét nghiệm Fasciola IgG phát hiện kháng thể sán lá gan lớn trong huyết thanh người Thành phần: Đĩa ELISA 96 giếng, Liên Hợp Enzyme, Đối chứng dương, Đối chứng âm, Chất tạo màu, Wash Concentrate (20X), Dung dịch đệm pha loãng, Stop Solution, Fasciola Serology Microwell ELISA Kit. Tổng thời gian ủ: 20 phút; Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, Giấy phép lưu hành sản phẩm | 96 Test/Hộp | Hộp | 85 |  |
| 81 | ELISA Strongloides IgG | Bộ xét nghiệm Strongyloides IgG phát hiện kháng thể Strongyloides IgG trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần, Đĩa ELISA gồm 96 giếng, Enzyme Conjugate, Đối chứng dương, Đối chứng Âm, Chromogen, Dung dịch rửa cô đặc (20X), Đệm pha loãng, Dung dịch dừng, Bộ kit ELISA giun lươn IgG Tổng thời gian ủ: 20 phút Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% Bảo quản ở 2-8 ° C; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, Giấy phép lưu hành sản phẩm | 96 Test/Hộp | Hộp | 80 |  |
| 82 | ELISA Toxocara IgG | Bộ xét nghiệm Fasciola IgG phát hiện kháng thể giun đũa chó mèo trong huyết thanh người Thành phần: Đĩa ELISA 96 giếng, Liên Hợp Enzyme, Đối chứng dương, Đối chứng âm, Chất tạo màu, Wash Concentrate (20X), Dung dịch đệm pha loãng, Stop Solution, Fasciola Serology Microwell ELISA Kit. Tổng thời gian ủ: 20 phút; Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, Giấy phép lưu hành sản phẩm | 96 Test/Hộp | Hộp | 150 |  |
| 83 | Xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV ở người | Độ nhạy 100% , độ dặc hiệu 99,75%, Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút ,không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương , Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn châu Âu EN ISO 13485. - Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody,Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen,(pGO11-CKS/XL-1) HIV-1 Group O,Antigen,(PjC100)HIV-2, Antigen,(pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1)HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. | 100 test/hộp | Test | 300 |  |
| 84 | Hoá chất đếm tế bào CD4 | Thành phần: gồm 2 cặp ống với 4 nồng độ hạt bead:   - Ống có phần trên màu vàng: không có bead  - Ống có phần trên màu đỏ: nồng độ hạt bead thấp ~50 beads/µL  - Ống có phần trên màu xanh : nồng độ hạt bead trung bình ~250 beads/µL   - Ống có phần trên màu tím: nồng độ hạt bead cao~1,000 beads/µL | 50test/hộp | Hộp | 21 |  |
| 85 | Dung dịch tráng dùng cho máy đếm tế bào CD4 | Thành phần: 50 ống thuốc thử chứa CD4 clone SK3 gắn màu PE/ CD14 MϕP9 gắn màu PE-Cy5/CD15 clone MMA gắn màu PE-Cy5, 65 nắp ống và một lọ 5mL dung dịch cố định 5% formaldehyde trong phosphate-buffered saline (PBS) | 5l/thùng | Thùng | 1 |  |
| 86 | Hoá chất đối chứng CD4 | Thành phần: có Sodium fluoride. | 25test/hôp | Hộp | 1 |  |
| 87 | Dung dịch rửa dùng cho máy đếm tế bào CD4 | Thành phần:  Nước (pha loãng) Acid hypochlorơ (làm sạch), muối Natri (1:1): 1% Natri hydroxide (0,8~~%~~) (cân bằng pH) | 5l/thùng | Thùng | 1 |  |
| 88 | Dung dịch đệm | Thành phần có chứa nước và các dung môi hữu cơ | 20l/thùng | Thùng | 2 |  |
| 89 | Gen Star sonog | Phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không gây bẩn quần áo, không gây hại đầu dò. Không có Formaldehyde. Vô khuẩn và không gây mẫn cảm hoặc rát da, niêm mạc. | 1 thùng x 4 can x 5l | Thùng | 25 |  |
| 90 | Thuốc thử xét nghiệm nhóm máuAB | Thuốc thử xét nghiệm An ti AB Dung dịch màu trắng | 10ML /Lọ | Lọ | 3 |  |
| 91 | Dung dịch nhuộm gram | Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranine chai 100ml. | 4 chai x 500ml | bộ | 6 |  |
| 92 | Que thử nước tiểu 10 thông số | Xét nghiệm 10 thông số cơ bản của nước tiểu: Máu, đường, Bilirubin, pH, Protein, Ketone, Urobilinogen, Nitrit, Bạch cầu, tỉ trọng. Trên thanh thử có miếng dán kiểm tra (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động. | 100 test/ hộp | Test | 26.000 |  |
| 93 | Test phát hiện Chlamydia | Phát hiện kháng nguyên Chlamydia trong mẫu chổi tế bào, tăm bông dịch cổ tử cung.  Độ nhạy ≥ 93.1%; Độ đặc hiệu ≥ 98.8%  Test xét nghiệm gồm 1 lọ dung dịch tách chiết A. 1 lọ dung dịch trung hòa B. Test xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. Giới hạn phát hiện: 19.7 µg/ml. Hạn dùng lớn hơn hoặc bằng 18 tháng. | 25 Test/ hộp | Test | 2.000 |  |
| 94 | Test phát hiện giang mai | Test nhanh chẩn đoán giang mai Treponema pallidum (TP) trên mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. Thành phần : anti-human immunoglobulins cộng hợp chất nhuộm và protein tái tổ hợp TP đặc hiệu với kháng thể giang mai; test gồm khay thử, dung dịch pha loãng chứa đệm muối, dung dịch rửa, sodium azide (<1%), pipet dùng một lần. Bảo quản ở 4-30 | 100 test /hộp | Test | 1.500 |  |
| 95 | Test Clo dư | Dải nồng độ:  0.02 - 2.00 mg/L Cl₂. | 100gói/ hộp 0,12g/gói | Hộp | 9 |  |
| 96 | RF Absorbent (Dung dịch hạn chế dương tính giả do yếu tố dạng thấp) | RF Absorbent được dùng để loại bỏ các yếu tố viêm khớp dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tuỷ( CSF), là bước ban đầu trong việc xác định sự hiện diện của kháng thể đặc hiệu IgM trong các xét nghiệm miễn dịch gián tiếp | 20 ml/ lọ | lọ | 5 |  |
| 97 | Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng lại vi rút sởi | Phải dùng dùng Rf-Absorbent xử lý mẫu: Ủ 15 phút ở nhiệt độ phòng hoặc qua đêm ở 4°C, Tổng thời gian ủ trong quy trình: 120 phút, Đọc kết quả ở bước sóng 405nm, độ nhạy: ≥ 98,9%, Độ đặc hiệu: ≥ 99% | 96 test/hộp | Hộp | 3 |  |

**Mẫu báo giá**

**BÁO GIÁ(1)**

**Kính gửi: ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]***

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa(2)** | **Tiêu chuẩn kỹ thuật(3)** | **Quy cách (nếu có)(4)** | **Đơn vị tính(5)** | **Số lượng(6)** | **Đơn giá**  **(VND)(7)** | **Các chi phí liên quan(8)** | **Thành tiền (VND)(9)** |
| 1 | Hàng hóa 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hàng hóa 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| n | ... |  |  |  |  |  |  |  |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày.... tháng....năm.... **Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(10)** *(Ký tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Ghi chú:***

*(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.*

*(2), (3), (4), (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi theo đúng yêu cầu trong Yêu cầu báo giá.*

*Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.*

*(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị đơn giá tương ứng với từng mặt hàng hóa*

*(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể chi phí liên quan ứng với từng mặt hàng hóa*

*(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thành tiền tương ứng với từng mặt hàng hóa*

*Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài , Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố kết thúc tại thời điểm nhận báo giá*

*(10) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.*

*Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.*